

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND tỉnh về việc cho chủ trương lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 50/TTr-SXD ngày 23/02/2024 và Báo cáo số 175/BC-SXD ngày 03/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện với một số nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

4. Cơ quan lập quy hoạch: UBND huyện Quỳnh Nhai.
5. Nội dung nhiệm vụ: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.
6. Dự toán chi phí lập quy hoạch: 1.911.739.000 đồng.
7. Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện Quỳnh Nhai.
8. Thời gian lập quy hoạch: Năm 2023-2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Quỳnh Nhai

- Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, tính chính xác của hồ sơ nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Rà soát các nội dung kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 15/KQTD-SXD ngày 23/02/2024, quản lý chi phí, quản lý công tác lập quy hoạch theo quy định; tổ chức lập đồ án quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ theo các quy định hiện hành;

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về quy trình, nội dung, kết quả thẩm định nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thẩm định hồ sơ đồ án quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá - Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Nhai; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- TT Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Hồng Minh

**NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN QUỲNH NHAI,
TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____/4/2024 của UBND tỉnh)

I. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NHIỆM VỤ

1. Sự cần thiết lập quy hoạch

Thực hiện Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023, Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; làm cơ sở phát triển đô thị và nông thôn, triển khai lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, quản lý đất đai, trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật, xây dựng các chương trình kế hoạch, đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực để đầu tư phát triển.

2. Phạm vi nghiên cứu, quy mô lập quy hoạch

2.1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Sìn Hồ và huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Phía Nam giáp huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Phía Đông giáp huyện Mường La tỉnh Sơn La và giáp huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
- Phía Tây giáp huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

2.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.040 km².
- Quy mô dân số: Khoảng 65.442 người.

3. Mục tiêu

- Phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện dọc lòng hồ sông Đà trên địa bàn tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.
- Phấn đấu đến 2025 huyện Quỳnh Nhai trở thành huyện nông thôn mới.
- Đến 2030 phát huy được các thế mạnh lớn, đặc biệt là du lịch; gắn với thương hiệu du lịch mới đại diện cho vùng Tây Bắc và tỉnh Sơn La – lòng hồ thủy điện Sơn La; xây dựng đô thị Quỳnh Nhai giàu mạnh, trở thành trung tâm du lịch của vùng. Phát triển ngư nghiệp hiệu quả, hiện đại và kiểu mẫu trong toàn tỉnh.

- Giai đoạn 2030 - 2050, vùng lòng hồ Quỳnh Nhai – huyện Quỳnh Nhai trở thành Khu du lịch quốc gia và trung tâm du lịch lớn của Tây Bắc cũng như của tỉnh. Các thế mạnh về nông, lâm, ngư nghiệp của huyện được phát huy toàn diện gắn với chế biến và xuất khẩu.

- Là cơ sở để lập quy hoạch đô thị, nông thôn và dự án đầu tư xây dựng, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện.

4. Tính chất, chức năng

- Là vùng sản xuất năng lượng điện, vùng kinh tế nông, lâm, thủy sản hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến sâu; là vùng du lịch khám phá và nghỉ dưỡng mới lạ, sáng tạo hấp dẫn của miền Bắc.

- Là vùng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá của dân tộc Thái trắng, Thái đen, bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hoá, tôn giáo...

- Là vùng bảo tồn và dự trữ đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai quan trọng hàng đầu của Bắc Bộ gắn với thượng nguồn sông Đà, có vị thế quan trọng về chính trị, an ninh quốc phòng.

5. Yêu cầu về điều tra, đánh giá hiện trạng

- Phân tích, đánh giá liên kết với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của vùng trong tổng thể liên kết về không gian kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật; nội dung đánh giá cần nêu bật được sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng nổi trội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, cơ chế, chính sách, quy hoạch, dự án đầu tư đã và đang triển khai, đặc biệt chú trọng đến các quy hoạch đô thị, nông thôn; các công trình đảm bảo quốc phòng, an ninh; các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt, điện, đường, trường học, các phòng khám đa khoa khu vực, bệnh viện huyện....; các chương trình, dự án trên địa bàn.

- Khảo sát, đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường; đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của vùng;

- Đánh giá tổng hợp vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường; phân tích đánh giá, rút ra những nhận xét về ưu, nhược điểm; làm rõ vị thế, vai trò giữ vững ổn định của vùng đối với phát triển của tỉnh và các vấn đề cần quan tâm trong khu vực quy hoạch; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trong vùng;

- Đề xuất những vấn đề cần giải quyết, các thế mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

6. Yêu cầu về quy hoạch

6.1. Yêu cầu chung

- Phân vùng kiểm soát quản lý phát triển.

- Phân bố và xác định quy mô không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù.

- Xác định, tổ chức đô thị và nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Phân cấp, phân loại đô thị - nông thôn theo địa giới và quản lý hành chính. Dự báo phát triển kinh tế, dân số, lao động: nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển.

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô, ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng: khu du lịch, nghỉ dưỡng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị; các công trình đảm bảo quốc phòng, an ninh.

6.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng

- Định hướng phát triển không gian, những xu thế phát triển mới, các dự báo phát triển kinh tế của vùng, những tác động đến phát triển không gian khu vực quy hoạch; đảm bảo giữ vững sự ổn định, phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp vật liệu xây dựng, thương mại, dịch vụ gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Định hướng không gian phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng (*công nghiệp, nông, lâm nghiệp, dược liệu, thủy sản, thương mại, dịch vụ, du lịch, quốc phòng - an ninh*); không gian phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (*đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng, khu quân sự, an ninh*) đảm bảo phát huy các tiềm năng, lợi thế đặc thù của vùng.

- Định hướng phát triển đô thị: Định hướng đến năm 2030 hình thành đô thị loại V. Đô thị phát triển trên nguyên tắc gắn kết chặt chẽ với hệ thống đô thị trong tỉnh và vùng trung du và miền núi Bắc Bộ để khai thác được các thế mạnh về giao thông vận tải đường bộ, đường không, dịch vụ, du lịch, tài chính...; phát triển và phân bố hợp lý các đô thị trên địa bàn; đề xuất phương án phân chia địa giới hành chính phù hợp với định hướng phát triển đô thị theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, phù hợp với đặc điểm, truyền thống lịch sử và bản sắc văn hóa truyền thống của vùng.

- Các điểm dân cư nông thôn: Xây dựng khu ở dân cư nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, có thể nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù.

- Vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất, bố trí các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; Xây dựng, thu hút đầu tư cụm công nghiệp Phiêng Xía, xã Mường Giàng; cụm công nghiệp Chiềng Bằng ở bản Lọng Đán, xã Chiềng Bằng.

- Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp: Quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất tập trung.

- Phát triển vùng du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ, vui chơi giải trí, văn hóa, tâm linh và bảo tồn phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng... bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Thái trắng, Thái đen...

- Việc tổ chức không gian vùng cần tuân thủ nguyên tắc: Bố trí các khu chức năng hợp lý, khoa học, bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo quy mô theo tiêu chuẩn quy phạm, đáp ứng được các yêu cầu quản lý và hiệu quả trong sử dụng đất đai, đảm bảo phù hợp với các định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.

6.3. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường

Xác định các định hướng tổng quát về phát triển hạ tầng kỹ thuật khung trên toàn vùng, mối liên kết nội vùng và các vùng lân cận; đề xuất giải pháp thực hiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển.

a) Quy hoạch hệ thống giao thông:

- Tuân thủ quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành giao thông, quy hoạch liên vùng dọc sông Đà và các quy hoạch khác liên quan.

- Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết vùng kinh tế, trực động lực kinh tế.

- Lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, tạo mối liên kết hợp lý trong vùng và liên kết với các hệ thống giao thông trên toàn tỉnh.

- Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện, đường trục xã đảm bảo kết nối giao thông phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định quy mô, vị trí các công trình đầu mối, bến xe đối ngoại; tổ chức giao thông công cộng.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án quy hoạch hạ tầng giao thông đảm bảo kết nối đồng bộ đường bộ, đường thủy và đường hàng không để phục vụ việc khai thác tối đa tiềm năng của vùng.

b) Chuẩn bị kỹ thuật, thoát lũ và thoát nước mưa:

- Đánh giá và phân loại đất xây dựng theo điều kiện tự nhiên. Từ đó đề xuất phương án phân vùng rủi ro, loại hình thiên tai đối với từng khu vực trên địa bàn đề có phương án quy hoạch đáp ứng được yêu cầu phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đề xuất các yêu cầu khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn. Đề xuất các giải pháp san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn, các khu chức năng.

- Xác định hệ thống thoát nước đô thị và nông thôn (*gồm mạng lưới trục tiêu chính, các công trình đầu mối tiêu thoát nước...*). Đề xuất các giải pháp phòng tránh thiên tai, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống

thuỷ lợi đầu mối, đê, đập..., cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

- Yêu cầu giải pháp kỹ thuật cho các khu vực giáp ranh giữa phát triển mới và hiện trạng tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu. Đề xuất các giải pháp xây dựng các công trình đầu mối và mạng lưới thoát nước mưa hợp lý.

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Lựa chọn nguồn nước: Đánh giá chất lượng và trữ lượng tài nguyên nước mặt và nước ngầm của từng địa phương, khả năng khai thác cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nguồn cấp nước cho vùng.

- Rà soát, đánh giá các dự án, hệ thống cấp nước hiện trạng, các khu chức năng và cấp nước sạch nông thôn.

- Dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước trong vùng nghiên cứu, tính toán dự báo nhu cầu dùng nước trên địa bàn huyện, đề xuất quy mô các công trình đầu mối và giải pháp cấp nước cho các đô thị, các khu chức năng và các xã trên địa bàn huyện theo từng nguồn nước.

- Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối, đặc biệt là hệ thống các sông, suối, hồ trong huyện.

d) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Xác định chỉ tiêu cấp điện, nhu cầu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị, các khu chức năng và các xã của vùng.

- Đề xuất các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển vùng. Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực cho các đô thị, các khu chức năng và các xã trên địa bàn huyện.

đ) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc (TTLL):

- Xác định chỉ tiêu TTLL, dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ thoại, Internet, truyền hình, bưu chính trên cơ sở số liệu kinh tế của vùng, từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn, mạng lưới TTLL phù hợp với sự phát triển của khu vực.

- Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối TTLL, tổ chức mạng lưới đường dây TTLL và các trạm viễn thông cho từng giai đoạn quy hoạch, khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi toàn vùng.

e) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:

- Xác định vị trí, quy mô các khu xử lý CTR, nghĩa trang phục vụ khu vực đô thị, nông thôn trong vùng quy hoạch, đảm bảo theo quy định.

- Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, CTR, nhu cầu đất nghĩa trang cho các khu vực đô thị và các điểm dân cư nông thôn.

- Đề xuất mạng lưới thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô

công suất các trạm xử lý nước thải. Các yêu cầu vệ sinh đối với các loại nước thải sau khi xử lý.

- Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý CTR. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển CTR hiện có và đề xuất vị trí các điểm trung chuyển CTR mới. Đề xuất vị trí, quy mô, công suất công trình đầu mối xử lý chất thải rắn.

- Đề xuất các giải pháp xây dựng nghĩa trang, quản lý nghĩa trang đô thị, nghĩa trang tập trung.

g) Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Xây dựng phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khai thác, sử dụng tài nguyên phù hợp.

- Khoanh vùng cảnh báo những khu vực an toàn, không an toàn, nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai, ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất do biến đổi khí hậu.

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Các vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, bao gồm: sử dụng tài nguyên (*đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng, cảnh quan...*), áp lực phân bố dân cư, phân bố các hoạt động kinh tế trên lãnh thổ (*công nghiệp, nông nghiệp, du lịch...*); môi trường lưu vực sông: ảnh có của biến đổi khí hậu, đói nghèo, suy thoái môi trường, thiên tai, lũ lụt, sạt lở đất...

- Đánh giá hiện trạng các nguồn gây ô nhiễm lớn (*vùng đô thị, vùng công nghiệp, vùng khai thác khoáng sản..*) các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan. Xác định các nội dung bảo vệ môi trường của quy hoạch ở quy mô vùng (*cấp nước vùng, giao thông vùng, xử lý chất thải liên đô thị, bảo vệ môi trường lưu vực sông...*).

- Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của phân bố đô thị, dân cư, các hoạt động kinh tế, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong vùng; nêu các vấn đề môi trường đã và chưa được giải quyết trong đồ án quy hoạch. Đánh giá sự thống nhất giữa các quan điểm, mục tiêu của quy hoạch xây dựng và các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; dự báo, so sánh tác động môi trường của các phương án quy hoạch.

- Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; đề xuất các vùng bảo vệ môi trường (*rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hành lang xanh, vùng di sản, lưu vực nguồn nước...*).

6.4. Yêu cầu về phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện

- Xây dựng danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện, đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

- Đề xuất phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các giai đoạn quy hoạch.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch; Quy định quản lý quy hoạch.

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH

1. Tổng hợp chi phí lập quy hoạch

Tổng hợp chi phí lập quy hoạch: **1.911.739.000** đồng (*Một tỷ, chín trăm mười một triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng*), trong đó:

STT	Hạng mục	Giá trị (đồng)
1	Chi phí lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	1.401.153.600
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	93.700.200
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	17.036.400
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	88.558.614
5	Chi phí tổ chức lấy ý kiến	28.023.072
6	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	91.809.861
7	Chi phí công bố đồ án quy hoạch	38.213.280
8	Chi phí lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	140.115.360
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT	10.928.998
10	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, KQLCNT	2.200.000

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách huyện Quỳnh Nhai.

III. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Yêu cầu về nội dung, thành phần hồ sơ

1.1. Về nội dung: Nội dung, quy cách, thành phần hồ sơ, hệ thống ký hiệu trong các bản vẽ và nội dung thể hiện bản vẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ v/v Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

1.2. Thành phần hồ sơ

a) Phần bản vẽ:

STT	Tên thành phần bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Tỷ lệ thích hợp
2	Các bản đồ hiện trạng vùng	
	- Bản đồ điều kiện tự nhiên	1/25.000

STT	Tên thành phần bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
	- Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất	1/25.000
	- Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường	1/25.000
3	Các bản đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng	
	- Bản đồ các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển	1/25.000
	- Bản đồ tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn	1/25.000
	- Bản đồ phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp	1/25.000
	- Bản đồ các vùng du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật	1/25.000
4	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng	
	- Bản đồ hệ thống giao thông	1/25.000
	- Bản chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mặt	1/25.000
	- Bản đồ hệ thống cấp điện	1/25.000
	- Bản đồ cấp nước	1/25.000
	- Bản đồ cung cấp năng lượng	1/25.000
	- Bản đồ thoát nước thải và xử lý nước thải	1/25.000
	- Bản đồ quản lý chất thải rắn	1/25.000
	- Bản đồ hạ tầng viễn thông thụ động	1/25.000
	- Bản đồ quản lý nghĩa trang	1/25.000

b) Phần hồ sơ thuyết minh quy hoạch và các văn bản có liên quan: Thuyết minh, các bản vẽ thu nhỏ, phụ lục và các văn bản pháp lý có liên quan; Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; Dự thảo Kế hoạch thực hiện quy hoạch; Tờ trình đề nghị phê duyệt đồ án và Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

2. Yêu cầu sản phẩm

2.1. Hồ sơ xin ý kiến cộng đồng dân cư, các cơ quan, đơn vị liên quan

- Bản đồ quy hoạch thu nhỏ (khổ A0): 01 bộ
- Thuyết minh quy hoạch: 50 bộ.

2.2. Hồ sơ sản phẩm giao nộp (sau khi có Quyết định phê duyệt đồ án)

- Bản đồ quy hoạch in màu đúng tỷ lệ: Số lượng 10 bộ.
- Thuyết minh quy hoạch in màu (có bản vẽ in khổ A3 kèm theo), quy định quản lý quy hoạch: Số lượng 10 bộ.
- 01 USB lưu trữ hồ sơ quy hoạch và file scan bản vẽ quy hoạch được duyệt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh.
2. Cơ quan thẩm định quy hoạch: Sở Xây dựng.
3. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Quỳnh Nhai./.